

Bản án số: 128/2019/HSST

Ngày: 22 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài: Cán bộ hưu trí

2. Ông Hồ Đắc Toàn: Hiệu trưởng trường THCS Lê Lợi, TP. Quy Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân, TP Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 125/2019/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2019/QĐXX - HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức D. sinh năm 1998 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 1, khu vực 1, phường N., TP. Q., tỉnh B.; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N. sinh năm 1955 và bà Phạm Thị Ánh H. sinh năm 1956; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

*** Bị hại:**

Chị Trần Thị Xuân H. sinh năm 1977; trú tại: Tổ 1, khu vực 1, phường N., TP. Q., tỉnh B.; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/4/2019, ông Nguyễn Văn N. đi từ quán nhậu “3 V.” của con gái là chị Nguyễn Thị Thu T. ở tổ 1, khu vực 1, phường N., TP. Q.

đến nhà chị Trần Thị Xuân H. (cách quán nhậu “3 V.” 01 lô đất) để hỏi chuyện về việc anh Nguyễn Ngọc H. (em chị Trần Thị Xuân H.) trước đó có lấy 03 tấm tôn của ông N.. Khi gặp chị H., ông N. với chị H. xảy ra tranh cãi, ông N. chửi chị H. nên chị H. cầm chiếc dép nhựa đánh vào mặt ông N. 01 cái, sau đó 02 người dùng tay xô đẩy nhau. Nghe tiếng cãi nhau ở phòng khách, anh Võ T. chồng chị H. từ nhà bếp chạy lên để can ngăn. Lúc này, con ông N. là Nguyễn Đức D. đang phục vụ ở quán nhậu “3 V.” thấy vậy chạy đến bên vực ông N.. D. cầm thùng rác bằng kim loại ném vào chị H. nhưng không trúng nên bỏ ra đứng ngoài đường. Chị T. cũng chạy từ quán “3 V.” đến cùng một số người dân can ngăn và chị T. đẩy ông N. ra ngoài. Khi nhìn thấy ông N. có vết thương trên mặt rướm máu, D. bực tức chạy đến đồng gỗ dùng đồng cọc pha để bên đường lấy 01 thanh gỗ (dài 84cm, dày 02cm, chỗ rộng nhất 08cm, chỗ hẹp nhất 02cm) chạy vào đánh 01 phát trúng vào trán chị H. gây thương tích rồi bỏ đi về nhà. Chị H. bị thương tích được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B. cấp cứu và điều trị đến ngày 05/4/2019 thì xuất viện.

Ngày 03/6/2019, Trung tâm pháp y tỉnh B. có văn bản số 116/2019/PY-TgT kết luận thương tích của chị Trần Thị Xuân H. như sau: Vết thương vùng trán gây đau đầu nhiều, không liệt, không tổn thương sọ và nội sọ đã điều trị. Hiện tại: Vùng giữa trán vết thương để lại sẹo hình chữ T cạnh 01 và 3,5cm, chỗ rộng nhất 0,5, sẹo rõ, lồi, ảnh hưởng thẩm mỹ; Vùng trán trái vết thương để lại sẹo rõ kích thước (1x0,8)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12%.

Quá trình điều tra: Cơ quan CSĐT Công an TP. Q. tạm giữ 01 thanh gỗ có chiều dài 84cm, dày 02cm, chỗ rộng nhất 08cm, chỗ hẹp nhất 02cm.

Chị H. yêu cầu bồi thường chi phí điều trị với số tiền 10.051.000 đồng, tiền mất thu nhập trong 03 tháng không lao động được, mỗi tháng 10.000.000 đồng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng.

Ngày 10/10/2019 Nguyễn Đức D. đã nộp số tiền 10.051.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự TP. Q. để bồi thường cho bị hại.

Bản cáo trạng số 131/CT -VKSQN ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Q. đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức D. về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung hình phạt “Dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Đức D. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi sử dụng cây gỗ cứng là hung khí nguy hiểm đánh trúng trán chị Trần Thị Xuân H. gây tổn hại sức khỏe 12% nên giữ nguyên Quyết định truy tố. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q. để bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại cho bị hại, nhân thân tốt nên đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS; điểm b, s, khoản 1 Điều

51, Điều 54; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D. từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 584; Điều 586; Điều 590 BLDS; Điều 106 BLTTHS, buộc bị cáo bồi thường chi phí điều trị, ngày công lao động và tổn thất tinh thần cho bị hại theo quy định của pháp luật; tịch thu, tiêu hủy vật chứng đang thu giữ.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thấy cha bị đánh nên không kiềm chế được, bị cáo biết sai mong Tòa cho bị cáo cơ hội tiếp tục việc học.

Bị hại tranh luận: Không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo vì như vậy không bảo đảm tính răn đe.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, nhìn thấy cha bị đánh róm máu nên bị cáo không kiềm chế được, bị cáo mong Tòa giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q., Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q., Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Đức D. có sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ sức khỏe của con người được pháp luật bảo hộ, mọi hành vi xâm hại đều bị xử lý nghiêm minh, nhưng khi nhìn thấy cha ruột cãi nhau với chị H., bị chị H. dùng dép đánh vào mặt róm máu, bị cáo đã không kiềm chế được, nhặt cây gỗ gần đó có kích thước dài 84cm, dày 02cm, chỗ rộng nhất 08cm, chỗ hẹp nhất 02cm đánh trúng trán chị Hương gây thương tích. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/2019/PY –TgT ngày 03/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh B. thì chị H. bị thương ở vùng trán, tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 12%. Bị cáo đã dùng cây gỗ là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị H. làm chị bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 12% nên bị cáo đã phạm tội “ Cố ý gây

thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội do tinh thần bị kích động khi nhìn thấy mặt cha mình bị bị hại đánh róm máu, sau khi gây thương tích cho bị hại, gia đình bị cáo đã đưa bị hại đến bệnh viện điều trị thương tích, sau đó đã đến gặp bị hại xin lỗi và xin thương lượng bồi thường thiệt hại nhưng bị hại không nhận nên đã tự nguyện nộp số tiền bị hại yêu cầu tại Cơ quan Thi hành án dân sự TP.Q. để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Quá trình học tập tại trường Đại học Q. bị cáo có thành tích tốt, được tặng thưởng Giấy khen nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, hiện đang là sinh viên năm cuối của Trường Đại học Q., có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên Hội xử áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo với mức án có lý, có tình, dưới khung hình phạt và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú vẫn bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

Bị cáo dùng cây gỗ đánh chị H. bị thương phải vào viện điều trị từ ngày 03/4/2019 đến ngày 05/4/2019 mới xuất viện nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại cho chị H..

Xét yêu cầu của chị H. đã được bị cáo chấp nhận khoản chi phí điều trị tại bệnh viện 10.051.000 đồng, đây là sự thỏa thuận của hai bên nên chấp nhận.

Chị H. bị thương tích ở trán, sau điều trị đầu bị đau không lao động được. Tại phiên tòa chị khai ngày 15/6/2019 mới bắt đầu đi làm lại nên tiền mất thu nhập của chị được tính từ ngày chị bị thương tích đến ngày 14/6/2019 là 70 ngày. Chị khai chị làm nghề mài đá granic, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên tính tiền mất thu nhập của chị theo tiền công của lao động phổ thông trên địa bàn TP. Quy Nhơn 200.000 đồng/ngày là phù hợp. Tổng cộng 200.000 đồng x 70 ngày = 14.000.000 đồng.

Chị H. bị thương tích ở trán để lại sẹo, ảnh hưởng đến thẩm mỹ, gây tổn thất về mặt tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ tỉ lệ thương tích, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của chị và quy định tại Điều 590 BLDS, buộc bị cáo

bồi thường cho chị 07 mức lương cơ sở, cụ thể: 1.490.000 đồng x 7 = 10.430.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị 34.481.000 đồng.

[5] Xử lý vật chứng:

Xét cây gỗ đang thu giữ là hung khí bị cáo sử dụng đánh chị H. nên căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại nên còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (án phí dân sự sơ thẩm không tính đối với số tiền 10.051.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn để bồi thường cho bị hại) theo quy định tại khoản 2 Điều 136; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D. phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D. 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường N., TP. Q., tỉnh B. giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 590 BLDS

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại cho chị Trần Thị Xuân H. với số tiền là 34.481.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.051.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu số 01424 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn để bảo đảm cho việc thi hành án.

Kể từ ngày chị H. có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo không bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường, thì

phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357; Điều 468 BLDS.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu, tiêu hủy cây gỗ có chiều dài 84cm, độ dày 02cm, bề rộng: chỗ rộng nhất 08cm, chỗ hẹp nhất 02cm theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.221.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.;
- VKSND Tp. Q.;
- Chi cục THADS Tp. Q.;
- CQ CSĐT CA Tp. Q.;
- Đội ĐTTH CA Tp. Q.;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

